

## KẾT QUẢ THI KIẾN THỨC TỔNG HỢP

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán (/100)	Tiếng Việt (/100)	Logic (/100)	Tổng điểm KTTH (/30)
1	00001	Cáp Thị Kim Anh	13/06/1993	nữ	37	42	44	12.5
2	00002	Đặng Thị Ngọc Anh	25/09/1994	nữ	50	64	48	16.0
3	00003	Lê Quốc Anh	18/10/1994	nam	53	76	64	19.5
4	00004	Nguyễn Doãn Hoàng Anh	25/06/1994	nữ	40	60	60	16.0
5	00005	Nguyễn Hoài Anh	8/04/1994	nữ	40	52	56	15.0
6	00006	Nguyễn Kim Anh	6/05/1994	nữ	39	86	60	18.5
7	00007	Nguyễn Ngọc Anh	29/07/1994	nam	68	76	60	20.5
8	00008	Nguyễn Tùng Anh	13/09/1992	nam	24	66	68	16.0
9	00009	Nguyễn Vân Anh	19/11/1993	nữ	24	56	32	11.0
10	00010	Phạm Đức Anh	23/10/1993	nam	69	52	72	19.5
11	00011	Phạm Thị Hoàng Anh	23/02/1994	nữ	71	54	56	18.0
12	00012	Phùng Trọng Việt Anh	24/02/1994	nam	35	56	56	14.5
13	00013	Trần Ngọc Anh	10/12/1994	nữ	74	72	60	20.5
14	00014	Hoàng Nguyệt Ánh	5/03/1990	nữ	30	54	56	14.0
15	00015	Nguyễn Thị Minh Châu	4/02/1993	nữ	44	68	48	16.0
16	00016	Trần Kim Chi	27/12/1994	nữ	53	64	76	19.5
17	00017	Nguyễn Thị Chinh	17/07/1994	nữ	36	56	48	14.0
18	00018	Nguyễn Thị Hương Cúc	20/03/1993	nữ	52	46	56	15.5
19	00019	An Chí Đạt	7/08/1994	nam	39	64	44	14.5
20	00020	Nguyễn Minh Đạt	16/05/1994	nam	72	58	60	19.0
21	00021	Nguyễn Tiến Đạt	23/09/1993	nam	58	58	48	16.5
22	00022	Nguyễn Ngọc Diệp	12/02/1994	nữ	50	82	56	19.0
23	00023	Nguyễn Minh Đức	18/02/1993	nam	35	46	56	13.5
24	00024	Nguyễn Phương Dung	30/10/1994	nữ	33	60	52	14.5
25	00025	Tạ Việt Dũng	18/12/1994	nam	37	48	44	13.0
26	00026	Phạm Thuỳ Dương	31/10/1994	nữ	27	64	44	13.5
27	00027	Phan Đăng Dương	1/02/1994	nam	47	70	44	16.0
28	00028	Lê Thuỳ Dương	5/02/1994	nữ	37	40	40	11.5
29	00029	Trần Mạnh Duy	2/04/1994	nam	39	48	52	14.0

<b>STT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Toán (/100)</b>	<b>Tiếng Việt (/100)</b>	<b>Logic (/100)</b>	<b>Tổng điểm KTTH (/30)</b>
30	00030	Chu Đức Giang	3/03/1994	nam	64	54	64	<b>18.0</b>

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán (/100)	Tiếng Việt (/100)	Logic (/100)	Tổng điểm KTTH (/30)
31	00031	Phan Hương Giang	17/09/1994	nữ	60	80	52	19.0
32	00032	Khúc Hải Hà	2/11/1994	nữ	26	74	72	17.0
33	00033	Nguyễn Ngân Hà	11/12/1992	nữ	29	64	44	13.5
34	00034	Nguyễn Thị Bích Hà	25/07/1994	nữ	31	64	80	17.5
35	00035	Vũ Thị Thu Hà	8/03/1993	nữ	46	54	64	16.5
36	00036	Lương Minh Hải	27/10/1993	nữ	50	64	68	18.0
37	00037	Nguyễn Bá Việt Hải	1/08/1994	nam	62	62	48	17.0
38	00038	Bùi Phương Hằng	25/12/1994	nữ	44	68	56	17.0
39	00039	Dương Thu Hằng	29/08/1993	nữ	36	62	60	16.0
40	00040	Nguyễn Thanh Hằng	14/06/1994	nữ	35	62	56	15.5
41	00041	Nguyễn Thị Thuý Hằng	5/11/1992	nữ	46	74	52	17.0
42	00042	Phạm Thị Thu Hằng	12/06/1993	nữ	15	54	48	11.5
43	00043	Nguyễn Hồng Hạnh	22/02/1993	nữ	50	70	72	19.0
44	00044	Nguyễn Mỹ Hạnh	18/04/1994	nữ	30	70	52	15.0
45	00045	Vũ Mỹ Hạnh	18/11/1994	nữ	45	78	68	19.0
46	00046	Vũ Phạm Phương Hạnh	30/01/1994	nữ	35	66	56	15.5
47	00047	Đào Hoàng Hiệp	17/01/1994	nam	27	56	48	13.0
48	00048	Đặng Xuân Hiếu	12/05/1994	nam	49	42	48	14.0
49	00049	Lê Minh Hiếu	15/04/1987	nam	53	50	52	15.5
50	00050	Nguyễn Hiếu	25/01/1992	nam	57	54	52	16.5
51	00051	Vũ Trung Hiếu	20/09/1994	Nam	30	34	52	11.5
52	00052	Phạm Phương Hoa	8/09/1994	nữ	61	74	60	19.5
53	00053	Lê Huy Hoàng	19/03/1992	nam	46	56	40	14.0
54	00054	Phạm Đức Hoàng	15/11/1994	nam	35	60	56	15.0
55	00055	Trần Bảo Hoàng	6/03/1993	Nam	44	50	48	14.0
56	00056	Ngô Tuấn Hưng	10/07/1994	nam	33	62	56	15.0
57	00057	Nguyễn Thành Hưng	25/01/1994	nam	34	80	68	18.0
58	00058	Ngô Mai Hương	26/08/1994	nữ	36	60	36	13.0
59	00059	Trần Thị Lan Hương	25/07/1994	nữ	35	72	40	14.5
60	00060	Vũ Thị Thuý Hương	29/06/1994	nữ	44	66	60	17.0
61	00061	Đào Duy Huy	24/10/1994	nam	33	48	60	14.0
62	00062	Đình Quang Huy	26/12/1992	nam	58	74	72	20.5
63	00063	Lê Anh Huy	5/05/1994	nam	57	48	52	15.5

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán (/100)	Tiếng Việt (/100)	Logic (/100)	Tổng điểm KTTH (/30)
64	00064	Nguyễn Quang Huy	5/04/1994	nam	27	64	48	14.0
65	00065	Trần Quang Huy	4/04/1994	nam	39	60	52	15.0
66	00066	Hoàng Thị Khánh Huyền	20/10/1994	nữ	22	68	44	13.5
67	00067	Nguyễn Khánh Huyền	2/02/1994	nữ	47	70	68	18.5
68	00068	Phạm Huyền	23/10/1994	nữ	33	58	60	15.0
69	00069	Mạc Như Huỳnh	28/11/1993	nam	35	60	44	14.0
70	00070	Hà Bảo Khanh	30/12/1994	nữ	15	72	56	14.5
71	00071	Nguyễn Trung Khánh	16/12/1994	nam	66	52	80	20.0
72	00072	Vũ Duy Khánh	1/03/1994	nam	40	62	56	16.0
73	00073	Nguyễn Nguyên Khôi	3/01/1995	nam	66	74	68	21.0
74	00074	An Đức Kiên	7/02/1994	nam	16	62	56	13.5
75	00075	Nguyễn Trung Kiên	2/07/1994	nam	61	68	76	20.5
76	00076	Hoa Hồng Lê	2/04/1993	nữ	26	54	52	13.0
77	00078	Nguyễn Ngọc Liên	16/03/1994	nữ	28	54	44	12.5
78	00079	Bùi Thùy Linh	11/12/1994	nữ	23	50	24	9.5
79	00080	Đặng Khánh Linh	21/06/1994	nữ	19	58	64	14.0
80	00081	Dương Nhật Linh	11/02/1993	nữ	27	58	48	13.5
81	00082	Dương Thuý Linh	17/08/1994	nữ	34	70	48	15.0
82	00083	Hoàng Thuý Linh	15/12/1994	nữ	22	46	48	11.5
83	00084	Lê Khánh Linh	29/09/1994	nữ	21	44	40	10.5
84	00085	Lê Ngọc Linh	13/12/1994	nữ	34	70	48	15.0
85	00086	Lê Thị Hồng Linh	20/05/1994	nữ	55	62	56	17.5
86	00087	Lê Thuý Linh	11/11/1994	nữ	32	46	44	12.0
87	00088	Nguyễn Phương Linh	16/02/1994	nữ	41	58	60	16.0
88	00089	Nguyễn Thuý Linh	16/05/1993	nữ	25	56	64	14.5
89	00090	Phạm Thị Mỹ Linh	21/11/1993	nữ	52	52	60	16.5
90	00091	Phan Thuý Linh	7/08/1994	nữ	31	74	68	17.5
91	00092	Tổng Khánh Linh	26/12/1994	nữ	30	58	44	13.0
92	00093	Trần Thảo Linh	26/07/1994	nữ	22	58	60	14.0
93	00094	Võ Thị Mai Loan	1/08/1994	nữ	53	72	56	18.0
94	00096	Nguyễn Gia Long	8/10/1994	nam	43	48	68	16.0
95	00097	Phạm Đỗ Nhật Long	26/11/1994	nam	33	64	60	15.5
96	00098	Đỗ Diệu Ly	10/02/1994	nữ	25	70	48	14.5

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán (/100)	Tiếng Việt (/100)	Logic (/100)	Tổng điểm KTTH (/30)
97	00099	Nông Đức Lý	8/08/1993	nam	54	48	36	14.0
98	00100	Đào Quỳnh Mai	12/05/1994	nữ	30	50	52	13.0
99	00101	Nguyễn Đức Mạnh	15/02/1994	nam	36	48	52	13.5
100	00102	Nguyễn Hà Mi	13/05/1993	nữ	39	56	40	13.5
101	00103	Nguyễn Đức Minh	12/01/1993	nam	78	78	68	22.5
102	00104	Nguyễn Tuấn Minh	12/10/1994	nam	58	70	56	18.5
103	00105	Trần Ngọc Minh	2/09/1994	Nam	57	76	80	21.5
104	00106	Dương Huyền My	4/03/1994	nữ	33	56	32	12.0
105	00107	Nguyễn Ngọc Trà My	11/05/1993	nữ	44	54	36	13.5
106	00108	Nguyễn Trà My	16/04/1994	nữ	32	70	76	18.0
107	00109	Lưu Hải Nam	9/08/1994	nam	36	84	48	17.0
108	00110	Nguyễn Hoàng Nam	25/11/1994	nam	44	68	52	16.5
109	00111	Vũ Đức Nam	8/01/1993	nam	37	68	52	15.5
110	00112	Vũ Lê Nam	18/02/1994	nam	43	58	52	15.5
111	00113	Nguyễn Thanh Nga	1/08/1994	nữ	43	54	44	14.0
112	00114	Nguyễn Thị Ngân	8/09/1994	nữ	60	72	52	18.5
113	00115	Phạm Trần Nghĩa	29/04/1994	nam	78	78	64	22.0
114	00116	Vũ Tuấn Nghĩa	4/08/1994	nam	83	66	60	21.0
115	00117	Bùi Ánh Ngọc	31/07/1994	nữ	63	74	56	19.5
116	00118	Chu Hồng Ngọc	4/01/1993	nữ	47	68	56	17.0
117	00119	Đào Minh Ngọc	12/05/1994	nữ	44	52	52	15.0
118	00120	Đỗ Thị Bích Ngọc	20/02/1994	nữ	61	66	72	20.0
119	00121	Đặng Thị Minh Nguyệt	4/06/1994	nữ	24	52	40	11.5
120	00122	Trần Ánh Nguyệt	9/05/1994	nữ	37	42	48	12.5
121	00123	Nguyễn Phương Nhi	16/09/1993	nữ	40	66	68	17.5
122	00124	Nguyễn Lê Quỳnh Như	29/01/1993	nữ	24	52	52	13.0
123	00125	Vũ Hồng Nhung	3/01/1993	nữ	37	48	52	13.5
124	00126	Nguyễn Lan Phương	10/03/1994	nữ	48	60	72	18.0
125	00127	Nguyễn Nam Phương	26/03/1993	nữ	48	54	76	18.0
126	00128	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	3/12/1993	Nữ	32	64	44	14.0
127	00129	Dương Đình Bảo Quân	2/03/1994	nam	27	48	64	14.0
128	00130	Nguyễn Hồng Quân	19/07/1994	nam	88	58	68	21.5
129	00131	Nguyễn Thiệu Quang	8/04/1994	nam	57	54	36	14.5

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán (/100)	Tiếng Việt (/100)	Logic (/100)	Tổng điểm KTTH (/30)
130	00132	Đào Phương Quỳnh	9/01/1994	nữ	29	54	72	15.5
131	00133	Hoàng Bảo Sơn	5/08/1994	nam	72	64	44	18.0
132	00134	Nguyễn Thái Sơn	2/12/1994	nam	63	72	68	20.5
133	00135	Nguyễn Xuân Sơn	3/11/1991	nam	62	54	48	16.5
134	00136	Đào Ngọc Sương	14/06/1994	nữ	27	68	68	16.5
135	00137	Trần Đức Thắng	7/07/1994	nam	48	64	68	18.0
136	00138	Trần Mai Thắng	16/12/1993	nam	49	54	52	15.5
137	00139	Bùi Như Thảo	8/08/1994	nữ	32	46	56	13.5
138	00140	Lê Thị Phương Thảo	11/11/1994	nữ	49	68	64	18.0
139	00141	Lưu Phương Thảo	1/12/1994	nữ	45	66	64	17.5
140	00142	Lý Thu Thảo	18/08/1994	nữ	73	62	60	19.5
141	00143	Nguyễn Phương Thảo	22/11/1994	nữ	31	58	52	14.0
142	00144	Nguyễn Phương Thảo	8/11/1994	nữ	37	60	56	15.5
143	00145	Nguyễn Thu Thảo	22/10/1994	nữ	40	58	48	14.5
144	00146	Lê Đức Thiện	3/12/1993	nam	60	48	56	16.5
145	00147	Trần Tiến Thọ	5/07/1994	nam	46	64	60	17.0
146	00148	Phạm Hoài Thu	11/12/1994	nữ	36	40	52	13.0
147	00149	Mai Anh Thư	14/06/1994	nữ	42	78	68	19.0
148	00150	Đỗ Thanh Thủy	24/12/1994	nữ	36	56	60	15.0
149	00151	Phạm Thị Thủy Tiên	25/09/1994	nữ	36	60	60	15.5
150	00152	Phạm Thanh Trà	9/10/1994	nữ	51	68	52	17.0
151	00153	Đặng Minh Trang	18/10/1993	Nữ	34	58	56	15.0
152	00154	Hoàng Phương Trang	13/10/1994	nữ	39	76	60	17.5
153	00155	Nguyễn Huyền Trang	31/12/1994	nữ	48	72	56	17.5
154	00156	Phạm Thị Huyền Trang	20/04/1994	nữ	47	38	68	15.5
155	00157	Trần Minh Trang	29/01/1994	Nữ	50	76	64	19.0
156	00158	Trần Vân Trang	23/08/1994	nữ	24	54	40	12.0
157	00159	Thiều Quang Trí	2/11/1994	nam	75	76	68	22.0
158	00160	Nguyễn Đức Trung	15/12/1994	nam	61	62	64	18.5
159	00161	Đinh Thị Anh Tú	21/09/1994	nữ	49	66	48	16.5
160	00162	Đỗ Anh Tú	12/11/1994	nữ	39	62	56	15.5
161	00163	Bùi Đắc Anh Tuấn	15/10/1992	Nam	28	60	44	13.0
162	00164	Hoàng Mai Tùng	20/04/1994	nam	30	62	48	14.0

<b>STT</b>	<b>SBD</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Toán (/100)</b>	<b>Tiếng Việt (/100)</b>	<b>Logic (/100)</b>	<b>Tổng điểm KTTH (/30)</b>
163	00165	Tạ Đăng Sơn Tùng	3/01/1994	nam	38	62	56	<b>15.5</b>
164	00166	Trần Tố Uyên	12/06/1992	nữ	45	68	56	<b>17.0</b>
165	00167	Hoàng Tùng Vũ	5/10/1994	nam	40	58	56	<b>15.5</b>
166	00168	Nguyễn Hoàng Yên	22/06/1994	nữ	30	62	56	<b>15.0</b>
167	00169	Nguyễn Hoàng Yên	2/06/1994	nữ	21	58	40	<b>12.0</b>
168	00184	Nguyễn Mai Trang	9/08/1994	nữ	33	54	40	<b>12.5</b>
169	00185	Lê Mạnh Hùng	7/07/1990	nam	39	54	52	<b>14.5</b>